

Số: /GPMT-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình khu vực Hàm Yên tại Văn bản số 229/CV-BQL ngày 04/11/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 99/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình khu vực Hàm Yên (địa chỉ: Thôn Bắc Mực, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên (nay là xã Hàm Yên), tỉnh Tuyên Quang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên (nay là xã Hàm Yên), tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập

Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Hàm Yên; Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện, thành phố về Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh quản lý; Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình số 01 tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình số 01 tỉnh Tuyên Quang.

1.4. Mã số thuế: 5000837742.

1.5. Loại hình hoạt động: Xử lý nước thải sinh hoạt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô công suất: 235 m³/ngày đêm.

- Quy mô diện tích: Xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên (nay là xã Hàm Yên), tỉnh Tuyên Quang với diện tích 3.000 m². Bao gồm các hạng mục chính: Nhà vận hành diện tích 20 m²; cụm xử lý nước thải 235 m³/ngày đêm, diện tích 228,15 m²; đất dự phòng giai đoạn 2, diện tích: 108 m²; Cây xanh khuôn viên dự án, diện tích 1.834,6 m²; sân đường nội bộ, diện tích 259 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C.

- Phân loại theo pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình khu vực Hàm Yên

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình khu vực Hàm Yên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với cơ quan cấp giấy phép môi trường và cơ quan chức năng tại địa phương khi xảy ra sự cố môi trường hoặc sự cố đối với các công trình xử lý chất thải.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành (*quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường*).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hàm Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (bản chính);
- UBND xã Hàm Yên;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Ban QL DA ĐTXD CTr. khu vực Hàm Yên (nhận KQ tại trung tâm PVHCC tỉnh);
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phụ lục I:

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải (01 nguồn phát sinh nước thải)**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các khu dân cư thôn Tân Thịnh, thôn Tân An và thôn Cống Đồi - xã Hàm Yên được thu gom, dẫn về mương bê tông B1000 và đưa trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thông qua giếng kỹ thuật.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* 01 dòng nước thải (tương ứng với nguồn số 1), nước thải sau khi được xử lý được xả vào hố ga TNT3, sau đó theo nguyên tắc tự chảy về mương thoát nước chung bằng bê tông B1000 của xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và thoát ra sông Lô.

2.1.1. *Vị trí xả nước thải:* Tọa độ xả nước thải: X=2440511; Y=399850. (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3°).

2.1.2. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* 235 m³/ngày đêm, tương đương 9,792 m³/giờ.

2.1.3. *Phương thức xả nước thải:* Nước thải sau xử lý được bơm xả vào hố ga TNT3, sau đó tự chảy vào mương bê tông thoát nước B1000 ra ngoài môi trường.

2.1.4. *Chế độ xả nước thải:* Xả liên tục 24 giờ

2.1.5. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, cột B – F ≤ 2.000). Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung-QCVN 14:2025/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			A	B		
1	pH	-	6-9	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 30	≤ 40		
3	COD	mg/l	≤ 80	≤ 90		
	hoặc TOC	mg/l	≤ 40	≤ 45		
4	Tổng chất rắn lơ	mg/l	≤ 50	≤ 60		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			A	B		
	lũng (TSS)					
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	≤ 4,0	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 4,0	≤ 6,0		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	≤ 3.000	≤ 5.000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,2	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 10	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3,0	≤ 5,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh của các khu dân cư tập trung tại xã Hàm Yên về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể MBBR 1,2 → Bể tuần hoàn → Bể lọc hạt mang → Bể nước đã xử lý → Bể khử trùng → Bể bơm xả thải → Mương thoát nước hiện hữu B1000.

- Công suất thiết kế: 235 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol, Na₂CO₃, Chlorine, hóa chất xử lý khí thải (NaOH)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo tọa độ xả nước thải: X=2440511; Y=399850. (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°).

- 01 mẫu nước thải đầu vào tại hố ga TNT1.

- 03 mẫu nước thải đầu ra tại hố ga TNT3.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

2.3. Tần suất lấy mẫu 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải tập trung.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trong việc kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

- Tự thực hiện quan trắc chất thải khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để thực hiện quan trắc chất thải nhằm đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải. Việc quan trắc chất thải phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng. Việc quan trắc, lấy mẫu chất thải (mẫu đơn, mẫu tổ hợp) thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

- Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan đến quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

- Tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải của dự án; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường chậm nhất là 20 ngày trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm đã được quy định trong giấy phép môi trường. Sau khi hoàn thành việc quan trắc chất thải theo số lượng và tần suất quy định trong giấy phép môi trường;

trường, chủ dự án đầu tư không phải tiếp tục thực hiện quan trắc chất thải trong thời gian còn lại của kế hoạch vận hành thử nghiệm.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục II:**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1,0
2	Pin	16 01 12	0,5
3	Thiết bị điện tử hỏng	16 01 13	1,5
4	Bao bì mềm chứa hóa chất	18 01 01	2
Tổng			5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 22,3 kg/ngày.

+ Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải khoảng 1,3 kg/ngày;

+ Khối lượng chất thải thu gom từ hộp tách rác khoảng 21 kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 0,6 kg/ngày**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI VIỆC LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG, CHẤT THẢI NGUY HẠI****1. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại**

a) Thiết bị lưu chứa: Cơ sở bố trí thùng đựng chất thải nguy hại, có dán nhãn CTNH đặt tại kho lưu giữ theo quy định.

b) Kho lưu chứa: Kho chứa được thiết kế đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

Thiết kế, cấu tạo của kho: 01 kho chứa, diện tích 3m² (dài x rộng x cao = 2m x 1,5m x 2,5m) tại khu vực giáp nhà vận hành, mặt sàn đổ bê tông, có mái che, xung quanh vây tôn, bên ngoài có dán biển “Kho chứa chất thải nguy hại”.

2. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa:

+ Đối với rác, cặn, cát thải phát sinh từ hộp tách rác tại bể thu gom: Bố trí 1 thùng rác dung tích 50lít thu gom, lưu chứa, hàng ngày chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Đối với bùn thải từ các bể xử lý nước thải: Thu gom về bể chứa bùn, định kỳ 3-6 tháng thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với chất thải thực phẩm: Bao gồm đồ ăn thừa, thức ăn bị thối hỏng, thực phẩm thải bỏ được thu gom vào các thùng nhựa màu xanh, có nắp đậy kín, dung tích 20 lít, đặt tại nhà vận hành.

- Chất thải có khả năng tái chế như: giấy, vỏ thùng carton, vỏ chai nhựa, lon nước ngọt... được thu gom vào thùng chứa dung tích 20 lít.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác: Thu gom vào các thùng nhựa màu xanh, dung tích khoảng 20 lít.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình khu vực Hàm Yên có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường về chất thải cấp cơ sở (*sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải,...*), công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập, ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP), Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

2. Dự trữ đầy đủ vật tư, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải trong kho để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

3. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, kịp thời phát hiện, sửa chữa các hư hỏng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

4. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo máy móc luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất, đảm bảo hiệu quả xử lý.

5. Khi xảy ra sự cố liên quan đến trạm xử lý nước thải thì phải dừng hoạt động để tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố một cách nhanh nhất. Khi khắc phục sự cố xong trạm xử lý mới tiếp tục hoạt động trở lại.

Phụ lục III:**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thực hiện đúng và đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động; vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải phải được xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

2. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của cơ sở để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình vận hành. Trồng cây xanh để tạo cảnh quan đồng thời hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

4. Bố trí kinh phí, nhân lực để thực hiện phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đề bù thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động tại cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành./.